

DANH SÁCH CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2025-2026 (THỜI ĐIỂM THÁNG 01/5/2026)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Trú quán	Chức vụ	Đơn vị công tác	Lương hiện hưởng						Trình độ chuyên môn				Trình độ khác					Đảng viên	Dân tộc
		Ngày	Thán g	Năm					Mã ngạch hiện nay	Bậc	Hệ số	PC CV, TN	% thâm niên	% VK	Trình độ đào tạo gốc	Ngành đào tạo ban đầu	Trình độ CM hiện tại	Chuyên ngành hiện tại	Chín h trị	Quản lý Nhà nước	Quản lý giáo dục	Ngoại ngữ	Tin học		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
I	Viên chức																								
1	Trần Thị Huyền	20	04	1971	x	Yên Định	HT	THCS Hải Quang	V.07.04.31	6	5,7	0,35	30		CĐ	Văn	ĐH	Văn	TC			B	B	x	
2	Nguyễn Văn Chiến	02	09	1974		Hải Quang	PHT	THCS Hải Quang	V.07.04.31	5	5,36	0,25	28		CĐ	Toán	ĐH	Toán	TC		CN	B	B	x	
3	Phạm Thị Yêm	12	08	1971	x	Yên Định	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.31	5	5,36		31		CĐ	Toán	ĐH	Toán	SC			B	B	x	
4	Phạm Thị Duyên	20	11	1974	x	Hải Quang	TP	THCS Hải Quang	V.07.04.31	5	5,36	0,15	29		CĐ	Toán	ĐH	Toán				B	B		
5	Vũ Thị Hồng Nga	21	02	1975	x	Yên Định	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.32	9	4,98		28	5	CĐ	Toán	ĐH	Toán	SC			B	CC	x	
6	Nguyễn Thị Thu	25	12	1996	x	Trực Ninh	TPT	THCS Hải Quang	V.07.04.32	3	3	0,1	7		CĐ	Toán - Lí	ĐH	Toán	SC			A2	CB	x	
7	Trần Thị Thương Huyền	12	07	1976	x	Yên Định	TT	THCS Hải Quang	V.07.04.32	9	4,98	0,2	27		CĐ	Toán - Lí	ĐH	Toán				B	B		
8	Trần Thị Ngoan	28	06	1981	x	Hải Phương	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.31	3	4,68		23		CĐ	Toán - Lí	ĐH	Toán	SC			B	B	x	
9	Lương Trung Luyến	14	12	1977		Hải Quang	TT	THCS Hải Quang	V.07.04.31	5	5,36	0,2	27		CĐ	Văn - Sử	ĐH	Văn	SC			A	A	x	
10	Đỗ Thị Lành	16	08	1978	x	Hải Quang	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.31	5	5,36		26		CĐ	Văn - Địa	ĐH	Văn	SC			B	B	x	
11	Nguyễn Thị Hiền	24	05	1987	x	Yên Định	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.11	4	3,33		8		ĐH	Văn	ĐH	Văn				C	CB		
12	Phạm Thị Kim Oanh	30	09	1973	x	Hải Quang	TP	THCS Hải Quang	V.07.04.31	5	5,36		30		CĐ	Văn - TV	ĐH	Văn				B	B		
13	Lâm Thị La	07	09	1974	x	Hải Quang	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.32	9	4,98		27		CĐ	Văn - TV	ĐH	Văn							
14	Lê Tuyết Lan	18	09	1986	x	Hải Quang	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.32	4	3,33	0,15	10		CĐ	Văn-GDCD	ĐH	Văn	SC			B	CB	x	
15	Dương Hồng Hải	21	09	1971		Yên Định	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.12	10	4,89		31		CĐ	Hội họa	CĐ	Hội họa	SC			B	B	x	
16	Trần Thị Kim Thu	10	04	1976	x	Hải Quang	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.31	4	5,02		26		CĐ	Anh văn	ĐH	Anh văn	SC			B2	A	x	
17	Mai Thị Thắm	20	08	1988	x	Hải Đông	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.31	2	4		12		ĐH	Anh văn	ĐH	Anh văn	SC			B2	A	x	
18	Mai Văn Thành	24	08	1980		Hải Phương	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.32	7	4,32		23		CĐ	GDTC	ĐH	GDTC	SC			B1	CB	x	
19	Thắm Thị Niền	16	11	1983	x	Hải Minh	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.31	2	4,34		18		ĐH	Hóa	ĐH	Hóa	SC			B	B	x	Tày
20	Nguyễn Thị Hoa	13	06	1984	x	Hải Quang	GV	THCS Hải Quang	V.07.04.31	2	4,34		17		CĐ	CNTT	ĐH	CNTT				A2	ĐH		
21	Đoàn Thị Thủy	18	08	1985	x	Hải Hưng	NV	THCS Hải Quang	V.11.06.15	2	2,06				CĐ	CNTT	CĐ	CNTT							

II	Hợp đồng theo Nghị định 111																							
1	Trần Thị Loan	10	06	1976	x	Hải Quang	TV	THCS Hải Quang	01.009		2,62				TC	T.viện	TC	T.viện						
2	Nguyễn Thị Hương Hồng	20	02	1986	x	Hải Hưng	KT	THCS Hải Quang							ĐH	KT	ĐH	KT						
3	Vũ Thị My	30	10	1984	x	Hải Quang	TB	THCS Hải Quang							TC	Thiết bị	TC	TB-TV						
4	Đan Thị Nguyệt	10	08	1964	x	Hải Hưng	GVHĐ	THCS Hải Quang							ĐH	GVHĐ		Văn						
5	Nguyễn Thị Lý	28	01	1990	x	Hải Quang	GVHĐ	THCS Hải Quang							ĐH	GVHĐ		Toán				A2	CC	
6	Nguyễn Thị Thúy	06	12	1996	x	Hải Hưng	GVHĐ	THCS Hải Quang							ĐH	GVHĐ		Toán				A2	CB	
7	Nguyễn Thị Huyền	11	09	2003		Hải Quang	GVHĐ	THCS Hải Quang							ĐH	GVHĐ		Toán				B1	CB	

Hải Quang, ngày 01 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature in blue ink]

Trần Thị Huyền